**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 11**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chât** | | | | |
| **1.Phát triển vận động** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.  -Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.  -Trẻ có một số tố chất, kỹ năng trong vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.  -Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.  -Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.  -Kiểm soát được vận động  -Phối hợp tay - mắt trong vận động  Chuẩn 1: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn.  Chuẩn 3: Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động.  -Trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.  -Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt.  Chuẩn 2: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ. | -Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. Hô hấp: Hít vào, thở ra (trang 54, Sách BT phát triển vận động 5-6 tuổi)  **Tay:**  -Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp với vẫy bàn tay.  **Lưng, bụng, lườn:**  - Quay sang trái, sang phải kết hợp hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  - Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.  -Trẻ tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động  Chỉ số 14: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút  -Trẻ tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. Trẻ Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  -Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  Chỉ số 7. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản;  Chỉ số 5:Tự mặc, cởi được áo quần; cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây | **Tay:**  -Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên kết hợp với vẫy bàn tay.  **Lưng, bụng, lườn:**  - Quay sang trái, sang phải kết hợp hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  **Chân:**  - Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  **Bật:**  -Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.  -Trẻ tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động  **Đi và chạy:**  -Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.  **Bò, trườn, trèo:**  -Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.  **Tung, ném, bắt:**  -Ném xa bằng 1 tay.  -Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.  Chỉ số 14: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút  -Trẻ tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ. Trẻ Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.  -Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:  Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  Chỉ số 7. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản; | -Quan sát: Cây Phú Quý, cây Lan Chi, cây Lưỡi Mèo, cây Ngọc Ngân, cây Lá trúc,  cây Lưỡi hổ, cây Cá vàng, quang cảnh trước cổng trường.   * Chơi tự do * Tăng cường vận động:   1.Chân ai khéo  2.Cắp cua  3.Bịt mắt bắt dê  4.Bật vào vòng  5.Hai người ba chân  6.Đi cà kheo  7. Kéo co  8. Bún thun  9. Ném bóng vào rỗ  10. Trò chơi liên hoàn  11. Ném vòng |  |
| **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ** | | | | |
| -Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường.  -Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.  -Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt  -Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản.  -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống, trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.  -Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ  - Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn. | -Trẻ ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe  Chỉ số 15: Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn  Chỉ số 16: Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày  -Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.  -Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch.  -Trẻ tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.  -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  +Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  -Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  +Trẻ ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  +Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.  +Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.  Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;  Chỉ số 18: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng  -Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh  Chỉ số 23: Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm  -Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng n.guy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn  Chỉ số 22: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm  Chỉ số 24: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép  Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Trẻ sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. | -Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh  Chỉ số 22: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm  Chỉ số 24: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép |  | **Chủ đề: Lễ hội 20/11**  -Trẻ có hiểu biết vế thực phẩm thông thường và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.  Chỉ số 19: Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày  Chỉ số 20: Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe  -Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.  -Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.  -Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | |
| 1. **Khám phá khoa học** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| Trẻ tò mò, ham hiểu biết, thích khám phá, xem xét, tìm tòi đặc điểm của các sự vật, hiện tượng xung quanh  Chuẩn 26: Trẻ tò mò và ham hiểu biết. | - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.  Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. | - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.  Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. | - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.  Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. | **- Chủ đề: Lễ hội 20/11**  Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến như nghề Giáo viên.  -Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của nghề giáo viên.  -Trẻ nói tên, công việc của cô giáo trong trường khi được hỏi, trò chuyện.  -Kể tên lễ hội 20/11 và nói về hoạt động nổi bật lễ hội này |
| **2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:** | | | | |
| Trẻ có một số hiểu biết về số hiểu biết về số và số đếm (đếm trên đối tượng và đếm theo khả năng; so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng; tách/ gộp trong phạm vi 10; nhận biết chữ số từ 5 – 10 và sử dụng số để chỉ số lượng, số thứ tự; nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày).  Chuẩn 23: Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo lường. | - Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10  + Trẻ biết gộp/tách các nhóm đối tượng.  bằng các cách khác nhau và đếm.  Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm  + Trẻ chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  + Trẻ tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.  Chỉ số 107. Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu; | - Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10  -Số lượng 7 – chữ số 7  + Trẻ chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.  + Trẻ tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.  Chỉ số 107. Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu; |  | -Trẻ biết đếm các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng, biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.  Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10;  -Trẻ so sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp. |
| 1. **Khám phá xã hội:** | | | | |
| Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội (bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp, một số ngành nghề phổ biến và truyển thống của Quận 5, một số lễ hội (Tết Nguyên Tiêu, hội Hoa đăng Q5), một số danh lam, thắng cảnh  Chuẩn 21: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội  Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. | -Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.  Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.  -Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.  -Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội (bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp, một số ngành nghề phổ biến và truyền thống của Quận 5, một số lễ hội (Tết Nguyên Tiêu, hội Hoa đăng Q5), một số danh lam, thắng cảnh. | -Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương  Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.  - Nghề giáo viên  -Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. |  |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | |
| 1. **Nghe, hiểu lời nói** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| Chuẩn 14: Trẻ nghe hiểu lời nói  -Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. | -Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.  Chỉ số 63: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;  Chỉ số 64: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. | -Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.  -Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.  -Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)  Chỉ số 63: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;  Chỉ số 64: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.  -Truyện “Chú dê đen” | -Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.  **Chỉ số 65:**Nói rõ ràng;  -Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.  -Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  **Chỉ số 77:** Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống; | **Chủ đề: Lễ hội 20/11**  -Trẻ nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. |
| 1. **Sử dụng lời nói trong cuộc sống** | | | | |
| Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp  -Trẻ khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…). | -Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.  -Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  **Chỉ số 71:** Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;  **Chỉ số 74:** Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;  **Chỉ số 75:** Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;  **Chỉ số 76:** Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;  **Chỉ số 77:** Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống  **Chỉ số 78:** Không nói tục, chửi bậy. | **Chỉ số 65:**Nói rõ ràng;  -Trẻ trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.  -Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.  **Chỉ số 71:** Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;  **Chỉ số 74:** Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;  **Chỉ số 75:** Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;  **Chỉ số 76:** Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;  **Chỉ số 77:** Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống; |  | -Trẻ phát âm, kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.  Chỉ số 65:Nói rõ ràng;  Chỉ số 85: Biết kể chuyện theo tranh. |
| 1. **Làm quen với đọc, viết** | | | | |
| Chuẩn 17: Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc.  -Trẻ có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.  Chuẩn 18: Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc.  Chuẩn 19: Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết. | -Trẻ làm quen với cách sử dụng sách, bút, với chữ viết, với việc đọc sách, với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.  **Chỉ số 87:** Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân  **Chỉ số 85:** Biết kể chuyện theo tranh**.**  -Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **Chỉ số 86:** Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;  **Chỉ số 88:** Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;  **Chỉ số 89:** Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;  **Chỉ số 84:** “Đọc” theo truyện tranh đã biết;  -Trẻ giữ gìn, bảo vệ sách. | -Trẻ làm quen với cách sử dụng sách, bút, với chữ viết, với việc đọc sách, với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.  **Chỉ số 87:** Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân  **Chỉ số 85:** Biết kể chuyện theo tranh**.**  -Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **Chỉ số 91**: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **Chỉ số 86:** Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;  Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình  **Chỉ số 88:** Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;  **Chỉ số 89:** Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình; | -Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  **Chỉ số 91**: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. | -Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.  Chỉ số 91: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.  Chỉ số 86: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;  -Trẻ làm quen với cách sử dụng sách, bút, với chữ viết, với việc đọc sách, với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống,  Chỉ số 79: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh; |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội** | | | | |
| 1. **Phát triển tình cảm** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| -Trẻ có một số phẩm chất cá nhân, thể hiện sự mạnh dạn, tự tin, tự lực.  Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân.  -Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm, cảm xúc với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.  Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc. | - Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.  - Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).  Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.  -Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực, tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...), mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.  Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.  - Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.  Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;  Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh; | Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.  Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.  - Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.  - Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.  Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;  Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh; | Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.  Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. | **Chủ đề: Lễ hội 20/11**  -Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực, tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...), mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.  Chỉ số 30. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.  Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.  -Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ cô giáo những việc vừa sức.  - Trẻ thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).  - Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.  - Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. |
| 1. **Phát triển kĩ năng xã hội** | | | | |
| Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội.  -Trẻ thực hiện một số hành vi, quy tắc, ứng xử xã hội, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.  -Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.  -Trẻ quan tâm đến môi trường. | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép, trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).  - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.  Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;  - Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).  - Trẻ biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn, biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu.  - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.  Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè; | -Trẻ có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.  - Trẻ lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.  Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè; |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Chủ đề** |
| Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.  Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình  Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.  Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc. | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;  -Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.  -Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.  **Chỉ số 100**. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  - Trẻ vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái, sử dụng các dụng cụ gõ đệm the phách, nhịp, tiết tấu phù hợp với các bài hát, bản nhạc.  **Chỉ số 101.** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;  **Chỉ số 102**. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;  - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục.  -Trẻ lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;  -Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.  -Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  **Chỉ số 100**. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  -Hát và vỗ tay theo tt chậm bài: Lá xanh, cô giáo miền xuôi.  **Chỉ số 101.** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;  **Chỉ số 102**. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản  -Lảm bó hoa tặng cô.  - Năn đôi dép.  - Gấp con cá mập.  - Vẽ chân dung cô giáo.  Trẻ lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. | -Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.  **Chỉ số 38.** Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp; | **Chủ đề: Lễ hội 20/11**  -Trẻ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.  -Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ…  Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;  -Trẻ tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  -Trẻ tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.  -Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.  -Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét và bố cục. |